BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 62.34.04.10

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1143 /QĐ-QLKTTW ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) được thành lập theo Nghị định số 111-CP ngày 18/5/1978 của Hội đồng Chính phủ, có vị trí là cơ quan ngang Bộ của Hội đồng Chính phủ. Từ năm 1994 Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có vị trí tương đương Tổng cục loại I. Theo Quyết định sô 233/2003/QĐ-TTg ngày 13/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương là Viện cấp quốc gia, trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có chức năng nghiên cứu và đề xuất thể chế, chính sách, kế hoạch hóa, cơ chế quản lý kinh tế, môi trường kinh doanh, cải cách kinh tế; tổ chức nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế và tổ chức hoạt động tư vấn theo quy định của pháp luật.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương được Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ theo Quyết định số 10/2005/QĐ-TTg ngày 11/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Viện đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao đào tạo trình độ tiến sĩ hai chuyên ngành: Quản lý kinh tế và Kinh tế phát triển (Quyết định số 597/QĐ-BGDĐT-ĐH&SĐH ngày 02/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về giao chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ cho Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; và Quyết định số 4287/QĐ-BGDĐT ngày 11/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuyển đổi tên các chuyên ngành đã được giao đào tạo ở trình độ tiến sĩ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương sang Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ban thành theo Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Tính đến cuối năm 2015, Viện đã tuyển sinh và đào tạo 98 nghiên cứu sinh, trong đó có 16 nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ.

Hiện nay, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương đang hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được quy định tại Quyết định số 117/2009/QĐ-TTg ngày 29/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Quyết định này, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương là tổ chức sự nghiệp khoa học cấp quốc gia trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện chức năng nghiên cứu và đề xuất cơ chế, chính sách quản lý kinh tế, phát triển môi trường kinh doanh; cung cấp dịch vụ công trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế và thực hiện hoạt động tư vấn theo quy định của pháp luật.

2. Các quy định hiện hành về đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

- Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT;

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 929/QĐ-QLKTTW ngày 20/10/2014 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; Sau đó được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 08/QĐ-QLKTTW ngày 08/01/2015 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. Trong đó, từ khóa năm 2015, quy định điều kiện văn bằng của thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ của chuyên ngành Quản lý kinh tế (mã số 62.34.04.10) tại Viện phải có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành Quản lý kinh tế, hoặc có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần với

chuyên ngành Quản lý kinh tế (gồm các chuyên ngành còn lại của khối ngành kinh doanh và quản lý (mã số 62.34) và ngành kinh tế học (mã số 62.31.01). Những thí sinh có bằng thạc sĩ thuộc chuyên ngành gần với chuyên ngành Quản lý kinh tế hoặc có bằng thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế nhưng đã tốt nghiệp trên 5 năm (tính từ thời điểm được cấp bằng đến thời điểm trúng tuyển nghiên cứu sinh) sẽ phải học bổ sung kiến thức sau khi trúng tuyển nghiên cứu sinh tại Viện.

- Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-QLKTTW ngày 12/01/2015 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; Sau đó được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 288/QĐ-QLKTTW ngày 14/4/2015 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

3. Các căn cứ khác

- Kết quả tìm hiểu đặc điểm, đặc thù về nhu cầu của các nghiên cứu sinh đã và đang học tập, nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương về khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế;

- Kết quả tìm hiểu nhu cầu của xã hội và một số cơ quan, tổ chức trong và ngoài Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sử dụng cán bộ được đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

- Kết quả phối hợp giữa Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương với trường Đại học kinh tế quốc dân trong đào tạo các học phần bổ sung (ở trình độ thạc sĩ) cho các nghiên cứu sinh của Viện trong giai đoạn vừa qua;

- Kết quả tham chiếu Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ỨNG DỤNG của nhóm ngành kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế của trường Đại học kinh tế quốc dân (để xác định các học phần bổ sung cho nghiên cứu sinh của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương);

- Kết quả rà soát, đối chiếu khối lượng kiến thức và cấu trúc nội dung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-QLKTTW ngày 12/01/2015 và Quyết định số 288/QĐ-QLKTTW ngày 14/4/2015 của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương) với các quy định về khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ tiến sĩ đã được quy định theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT;

- Kết quả thảo luận tại các phiên họp của Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (Tổ soạn thảo

này được thành lập theo Quyết định số 920/QĐ-QLKTTW ngày 20/10/2015 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương); ý kiến tham vấn của Thường trực Hội đồng đào tạo Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Tổ bộ môn Quản lý kinh tế.

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế nhằm đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, hướng dẫn nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Quản lý kinh tế.

2. Các mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

- Trang bị và giúp NCS nâng cao kiến thức căn bản, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về chuyên ngành Quản lý kinh tế; nâng cao năng lực tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo của NCS để làm chủ, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của chuyên ngành Quản lý kinh tế;

- Hỗ trợ NCS rèn luyện và phát triển khả năng phát hiện, phân tích, chứng minh và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp; Xác định đúng mục tiêu, nội dung và cách thức tác động của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý trong lĩnh vực kinh tế; Đề xuất các chính sách và công cụ quản lý, điều tiết kinh tế vĩ mô; Phát hiện và đưa ra các giải pháp sáng tạo để khai thác, phân bổ và quản lý hiệu quả các nguồn lực trong nền kinh tế quốc dân.

- Hướng dẫn NCS hình thành và phát triển kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức và ý tưởng mới theo đề tài; hỗ trợ NCS rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Quản lý kinh tế và liên ngành (định lượng và định tính); kỹ năng thực hiện và trình bày kết quả nghiên cứu chuyên đề tiến sĩ, bài báo khoa học và luận án tiến sĩ.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

a. Kiến thức

Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành Quản lý kinh tế; nắm vững các kiến thức căn bản, cốt lõi ở mức độ cao về học thuật, học thuyết và các nguyên lý Quản lý kinh tế; có khả năng làm chủ được các kiến thức tiên tiến thuộc ngành kinh doanh và quản lý, chuyên ngành Quản lý kinh tế; có khả năng tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của chuyên ngành Quản lý kinh tế.

b. Kỹ năng

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích và chứng minh bản chất các hiện tượng kinh tế, các quá trình mang tính quy luật của sự phát triển kinh tế; Kỹ năng xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, công cụ và biện pháp quản lý, định hướng, điều tiết và thúc đẩy phát triển kinh tế và kinh doanh;

- Có kỹ năng sáng tạo và sử dụng các tiêu chí, chỉ số, chỉ tiêu đo lường và đánh giá khách quan hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh trong tổng thể nền kinh tế quốc dân, ngành, lĩnh vực và vùng, địa phương; đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc chuyên ngành Quản lý kinh tế, nhất là các giải pháp chính sách nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong nền kinh tế quốc dân;

- Có kỹ năng trao đổi, tranh biện học thuật và đối thoại về các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc chuyên ngành Quản lý kinh tế; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề lý luận và thực tiễn cụ thể thuộc chuyên ngành Quản lý kinh tế ở quy mô quốc gia, khu vực và quốc tế;

- Trong quá trình làm nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, mỗi nghiên cứu sinh phải tự học ngoại ngữ hoặc đăng ký dự học ở các cơ sở đào tạo ngoại ngữ ngoài Viện để trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ tại Viện phải có kỹ năng ngoại ngữ tiếng Anh bậc 4 trở lên trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương bậc B2 trở lên theo Khung tham chiếu châu Âu (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Trong đó, có thể hiểu ý chính của một báo cáo nghiên cứu, văn bản tiếng Anh về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi có tính kỹ thuật về các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ tiếng Anh ở mức độ tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết

được các văn bản bằng tiếng Anh rõ ràng, chi tiết và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề nào đó, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

c. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện bản chất của các hiện tượng kinh tế, các quá trình kinh tế trong trạng thái "động", phát hiện vấn đề và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn để giải quyết các vấn đề của quản lý kinh tế; tự chủ định dạng được cách thức tác động, điều chỉnh của chủ thể quản lý đối với đối tượng quản lý kinh tế (vĩ mô và vi mô) phù hợp với các chiến lược và quy hoạch phát triển trong từng thời kỳ, xác định các công cụ, biện pháp thích ứng và xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Có khả năng chủ trì các Hội thảo khoa học, đưa ra được những sáng kiến quản lý kinh tế có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến của người khác đưa ra; có khả năng đối thoại về các vấn đề về pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế quản lý và chính sách kinh tế; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Có năng lực chuyên môn vững chắc và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển về chuyên môn của tập thể, định hướng phát triển chiến lược của tổ chức đang tại nghiệp; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có khả năng quyết định về kế hoạch, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới trong lĩnh vực Quản lý kinh tế.

4. Phương pháp đào tạo của Chương trình

Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu của NCS dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc chuyên ngành Quản lý kinh tế.

III. CẤU TRÚC VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Cấu trúc tổng quát của Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, gồm ba phần:

Phần 1: Các học phần bổ sung

Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ, Tiểu luận tổng quan và các Chuyên đề tiến sĩ

Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

- Đối tượng áp dụng: Các nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành Quản lý kinh tế.

- Tổng khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo: 102 tín chỉ

- Hình thức và thời gian đào tạo: Không tập trung 4 năm, trong đó, có ít nhất 12 tháng học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo; thời gian gia hạn không quá 24 tháng; thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng). Nghiên cứu sinh được xác định là đã hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời gian 4 năm, luận án được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, nghiên cứu sinh phải hoàn thành phần 1 và phần 2 của Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với phần 1 của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ, nghiên cứu sinh phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ ở cơ sở đào tạo khác (như trường Đại học kinh tế quốc dân) do Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương gửi đến học. Đối với các học phần trình độ tiến sĩ, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương tổ chức thực hiện.

PHẦN 1: CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG

Đối tượng áp dụng: Các NCS có bằng thạc sĩ thuộc chuyên ngành gần với chuyên ngành Quản lý kinh tế và/hoặc các NCS có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành Quản lý kinh tế nhưng đã tốt nghiệp 5 năm (tính từ thời điểm được cấp bằng đến thời điểm trúng tuyển NCS).

Mục đích, yêu cầu: Giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS chuyên ngành Quản lý kinh tế; bảo đảm cho NCS khi thực hiện các học phần trình độ tiến sĩ đã có kiến thức và trình độ chuyên môn đúng với chuyên ngành Quản lý kinh tế, cập nhật kiến thức tiên tiến.

Cơ sở giáo dục đại học thực hiện phối hợp đào tạo: trường Đại học kinh tế quốc dân.

Chương trình đào tạo lựa chọn các học phần bổ sung: Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ỨNG DỤNG (nhóm ngành quản lý, chuyên ngành Quản lý kinh tế) của Trường Đại học kinh tế quốc dân.

Cấu trúc khối lượng kiến thức tối đa:17 tín chỉ. Cụ thể:

1.1 Đối với các NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần với chuyên ngành Quản lý kinh tế: Căn cứ bảng điểm cao học của NCS, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Tổ Bộ môn Quản lý kinh tế, giáo viên hướng dẫn và NCS thực hiện rà soát, xác định các học phần phải học bổ sung trong Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, chuyên ngành Quản lý kinh tế với khối lượng tối đa 17 tín chỉ (quy định tại Bảng 1 dưới đây)

1.2 Đối với các NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế nhưng đã tốt nghiệp trên 5 năm: Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Tổ Bộ môn Quản lý kinh tế, Giáo viên hướng dẫn và NCS rà soát, xác định các học phần phải học bổ sung trong Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế để cập nhật kiến thức tiên tiến, với khối lượng kiến thức tối đa 17 tín chỉ (quy định tại Bảng 1 dưới đây)

Bảng 1: Cấu trúc và khối lượng kiến thức các học phần bổ sung chuyên ngành Quản lý kinh tế (NCS đã có bằng thạc sĩ)

STT	Các học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Triết học	3
2	Kinh tế học quản lý	2
3	Quản lý nhà nước	2
4	Thể chế và phát triển	2
5	Phát triển bền vững	2
6	Phân tích chính sách	2
7	Quản lý tài chính công	2
8	Kỹ năng quản lý	2
	Tổng số tín chỉ	**17**

PHẦN 2: CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
TIỂU LUẬN TỔNG QUAN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

2.1 Các học phần trình độ tiến sĩ

Đối tượng áp dụng: Tất cả các NCS

Mục đích, yêu cầu: Các học phần trình độ tiến sĩ giúp NCS hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cốt lõi, chuyên sâu và cập nhật kiến thức tiên tiến về chuyên

ngành Quản lý kinh tế; hỗ trợ NCS phát triển khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành của lĩnh vực nghiên cứu Quản lý kinh tế để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của chuyên ngành Quản lý kinh tế; hỗ trợ NCS rèn luyện và phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích, chứng minh và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết các vấn đề của lĩnh vực Quản lý kinh tế.

Cấu trúc và khối lượng kiến thức:

Các học phần trình độ tiến sĩ có tổng khối lượng kiến thức 27 tín chỉ, bao gồm các học phần "bắt buộc" và các học phần "tự chọn". Trong đó, các học phần "bắt buộc" là những học phần căn bản, bổ sung kiến thức nền và những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành kinh doanh và quản lý, chuyên ngành Quản lý kinh tế. Các học phần "tự chọn" có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài NCS và hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Quản lý kinh tế, kỹ năng thực hiện Tiểu luận tổng quan, Chuyên đề tiến sĩ, Luận án tiến sĩ và bài báo khoa học. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng 3 tín chỉ. Một tín chỉ được cấu trúc bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị của NCS có hướng dẫn, trao đổi và giải đáp của giảng viên. Mỗi NCS phải hoàn thành 9 học phần với khối lượng 27 tín chỉ; trong đó có 4 học phần bắt buộc (12 tín chỉ) và 5 học phần tự chọn (15 tín chỉ), được cấu trúc bởi ba bộ phận kiến thức hợp thành sau:

Bộ phận kiến thức 1: Bổ sung kiến thức nền của chuyên ngành Quản lý kinh tế và hỗ trợ NCS phát triển khả năng ứng dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn của lĩnh vực Quản lý kinh tế. Bộ phận kiến thức này gồm 2 học phần với khối lượng 6 tín chỉ, gồm: (1). Quản lý kinh tế (cốt lõi và ứng dụng), 3 tín chỉ; (2). Kinh tế phát triển, 3 tín chỉ.

Bộ phận kiến thức 2: Củng cố và cập nhật kiến thức tiên tiến về quản lý kinh tế hiện đại trong thời đại toàn cầu hóa. Bộ phận kiến thức này gồm 2 học phần với khối lượng 6 tín chỉ, mỗi học phần có khối lượng 3 tín chỉ, gồm: (1) Hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia các FTA, các mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu (3TC); (2). Thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam (3TC).

Bộ phận kiến thức 3: Cung cấp những kiến thức Quản lý kinh tế mang tính thực tiễn, hiện đại và chuyên sâu có liên quan tới chủ đề nghiên cứu của luận án tiến sĩ của NCS; Hỗ trợ NCS rèn luyện các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu chuyên ngành Quản lý kinh tế, thực hiện luận án tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và bài báo khoa học. Bộ phận kiến thức này gồm 5 học phần với

khối lượng 15 tín chỉ, mỗi học phần có khối lượng 3 tín chỉ. NCS và tập thể giáo viên hướng dẫn chịu trách nhiệm đề xuất, lựa chọn, xác định tên học phần trong số các học phần tự chọn trong Chương trình đào tạo do Viện quy định (chi tiết tại Bảng 2, được bổ sung, điều chỉnh ít nhất 2 năm một lần) để đăng ký học. Tổ bộ môn Quản lý kinh tế chủ trì và phối hợp với Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo có trách nhiệm đề xuất Viện trưởng phương án bố trí, phân công giảng viên chuẩn bị đề cương chi tiết bài giảng và giảng dạy từng học phần, bảo đảm việc cung cấp cho NCS những kiến thức nền bổ sung, cập nhật về lĩnh vực nghiên cứu của từng học phần và đề tài NCS có liên quan (ít nhất là 2 năm phải 1 lần bổ sung, cập nhật kiến thức mới). Người tham gia giảng dạy mỗi học phần gồm: 01 giảng viên phụ trách chính và các giảng viên khác có trình độ tiến sĩ trở lên, có hướng nghiên cứu chuyên sâu phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của học phần và đề tài của NCS.

Phương pháp đánh giá mỗi học phần trình độ tiến sĩ do giảng viên chính đề xuất và được Tổ trưởng Tổ bộ môn Quản lý kinh tế chấp thuận, có thể theo các dạng: Vấn đáp, trắc nghiệm, viết tiểu luận thu hoạch theo đề bài do giảng viên ra đề. Việc đánh giá phải do 2 giảng viên thực hiện; Tổ bộ môn phân công trách nhiệm của từng giảng viên tham gia đánh giá (số 1 và số 2). Các NCS có điểm đánh giá mỗi học phần dưới 5,0 điểm sẽ phải kiểm tra và đánh giá lại theo quy trình như lần đầu.

2.2 Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ

Tất cả NCS đều phải thực hiện 01 Tiểu luận tổng quan và 03 chuyên đề tiến sĩ, với tổng khối lượng 12 tín chỉ.

2.2.1 Tiểu luận tổng quan

Tất cả các NCS đều phải thực hiện 01 Tiểu luận tổng quan các nghiên cứu liên quan đến chủ đề nghiên cứu của đề tài luận án. Tiểu luận tổng quan có khối lượng 3 tín chỉ. Một tín chỉ được cấu trúc bằng 45 giờ tự chuẩn bị, nghiên cứu của NCS có sự hướng dẫn của giáo viên và làm tiểu luận. Tên Tiểu luận tổng quan do NCS tự đề xuất sau khi tham khảo ý kiến của Giáo viên hướng dẫn NCS, được Tổ trưởng Tổ bộ môn Quản lý kinh tế và Giám đốc Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo đồng ý.

Việc thực hiện Tiểu luận tổng quan đòi hỏi NCS phải thu thập, nghiên cứu trực tiếp các công trình đã công bố ở trong và ngoài nước liên quan mật thiết tới đề tài luận án, tăng cường năng lực tự nghiên cứu và khả năng hệ thống hóa, phân tích đánh giá các nghiên cứu đã công bố; xác định đúng các vấn đề thuộc đề tài

luận án chưa được các công trình đã công bố nghiên cứu giải quyết (hay khoảng trống tri thức), chỉ ra được những vấn đề, những điểm mới mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết. Trên cơ sở đó, xác định rõ ý tưởng và phương hướng giải quyết các vấn đề nghiên cứu của luận án; trong đó, cần xác định rõ mục tiêu, đối tượng và giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu đề tài luận án, khung phân tích và mô hình nghiên cứu tổng quát đề tài luận án. Tiểu luận tổng quan cần được trình bày tối thiểu 25 trang trên khổ giấy A4.

2.2.2 Các chuyên đề tiến sĩ

Mỗi NCS đều phải thực hiện 3 chuyên đề tiến sĩ (9 tín chỉ). Mỗi chuyên đề tiến sĩ có khối lượng 3 tín chỉ. Một tín chỉ có cấu trúc bằng 45 giờ tự chuẩn bị, nghiên cứu của NCS có sự hướng dẫn của Giáo viên hướng dẫn và làm chuyên đề.

Chuyên đề tiến sĩ do NCS chủ động thực hiện dưới sự hướng dẫn của Giáo viên hướng dẫn NCS; đòi hỏi NCS phải tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án của NCS; rèn luyện năng lực nghiên cứu khoa học, giúp NCS giải quyết một số nội dung của luận án.

Tên chuyên đề tiến sĩ do NCS tự đề xuất sau khi tham khảo ý kiến của Giáo viên hướng dẫn/người hướng dẫn khoa học của NCS, nhưng phải đáp ứng các yêu cầu: Phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài luận án; Tên và nội dung mỗi chuyên đề không được trùng lắp với tên và nội dung từng chương trong luận án; Mỗi chuyên đề là một công trình nghiên cứu độc lập giải quyết sâu một số nội dung của luận án. Tên các chuyên đề tiến sĩ phải được sự đồng ý của Tổ trưởng Tổ Bộ môn Quản lý kinh tế, Giám đốc Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo, và được đăng ký chính thức trong kế hoạch đào tạo của từng NCS và của toàn khóa đào tạo NCS của Viện. Mỗi chuyên đề tiến sĩ có khối lượng khoảng 40-50 trang in trên giấy khổ A4.

Phương pháp thực hiện và đánh giá Tiểu luận tổng quan và Chuyên đề tiến sĩ:

Việc thực hiện Tiểu luận tổng quan và các Chuyên đề tiến sĩ được tiến hành bằng cách tự nghiên cứu của NCS dưới sự hướng dẫn của Giáo viên hướng dẫn NCS. Trong quá trình này, Tổ Bộ môn Quản lý kinh tế cần tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học để NCS cùng Giáo viên hướng dẫn và các nhà khoa học trong Tổ bộ môn trao đổi, tranh luận về các vấn đề liên quan tới Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ của NCS.

Việc đánh giá Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách NCS trình bày và bảo vệ trước Tiểu ban đánh giá do Viện trưởng quyết định thành lập. Tiểu ban đánh giá chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan có 3 thành viên, gồm Trưởng tiểu ban, Thư ký tiểu ban và Chuyên gia phản biện, là những nhà khoa học có chức danh GS, PGS và có học vị Tiến sĩ, am hiểu sâu về những vấn đề liên quan tới chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

Việc đánh giá Tiểu luận tổng quan, Chuyên đề tiến sĩ của NCS được thông báo trên lịch tuần, trên bảng tin Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo và trên website của Viện. Mỗi NCS được tổ chức bảo vệ Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ trong một buổi. Buổi tổ chức bảo vệ Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ cho mỗi NCS được tổ chức thành 2 phần: Phần thức nhất được tổ chức theo thể thức của một buổi sinh hoạt khoa học chuyên đề, để NCS cùng Giáo viên hướng dẫn, các nhà khoa học trong Tổ bộ môn và các NCS khác của Viện (cùng khóa hoặc khác khóa) cùng trao đổi, tranh luận về các vấn đề liên quan đến Tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ của NCS; Phần thứ hai tổ chức họp riêng các thành viên Tiểu ban đánh giá Tiểu luận tổng quan và Chuyên đề tiến sĩ để thảo luận, đánh giá và chấm điểm cho Tiểu luận tổng quan và từng chuyên đề tiến sĩ của NCS.

Việc đánh giá Tiểu luận tổng quan theo các tiêu chí chủ yếu: Sự cần thiết nghiên cứu đề tài luận án và mục đích, ý nghĩa của Tiểu luận tổng quan; mức độ đầy đủ, toàn diện và cập nhật của nội dung tổng quan các công trình đã công bố liên quan mật thiết đến chủ đề nghiên cứu của đề tài luận án; Tính chính xác, độ tin cậy của những vấn đề thuộc đề tài luận án của NCS chưa được các công trình đã công bố nghiên cứu giải quyết (khoảng trống tri thức); Sự rõ ràng về ý tưởng và thiết kế nghiên cứu của NCS để giải quyết những vấn đề mới mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết; Phương pháp trình diễn và kết quả bảo vệ Tiểu luận tổng quan trước Tiểu ban; Mức độ đáp ứng thời hạn nghiên cứu Tiểu luận tổng quan.

Việc đánh giá mỗi chuyên đề tiến sĩ theo các tiêu chí chủ yếu sau: Tính cấp thiết và sự phù hợp của tên và nội dung chuyên đề với đề tài luận án của NCS; Sự rõ ràng, phù hợp của mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và giới hạn phạm vi nghiên cứu chuyên đề với tên chuyên đề; Sự phù hợp của nội dung chuyên đề với tên chuyên đề và tính hệ thống, logic của nội dung chuyên đề; Tính mới và độ sâu của nội dung chuyên đề; Phương pháp nghiên cứu, hình thức trình bày kết quả nghiên cứu chuyên đề; Phương pháp trình diễn và nội dung trả lời, bảo vệ chuyên đề trước

Tiểu ban đánh giá; Công bố kết quả chuyên đề (báo cáo khoa học, bài báo…); Mức độ đáp ứng thời hạn nghiên cứu, hoàn thành chuyên đề.

Tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ được đánh giá theo thang điểm 10. Những Chuyên đề, Tiểu luận có số điểm bình quân của 03 thành viên Tiểu ban đánh giá dưới 5,0 là không đạt yêu cầu và NCS sẽ phải bảo vệ lại (sau lần bảo vệ trước ít nhất 1 tháng).

Bảng 2: Cấu trúc và khối lượng kiến thức các học phần trình độ tiến sĩ, Tiểu luận tổng quan và các Chuyên đề tiến sĩ (tất cả các NCS chuyên ngành Quản lý kinh tế phải thực hiện)

STT	Học phần	Số tín chỉ
I	**Các học phần trình độ tiến sĩ**	**27**
I.1	**Các học phần bắt buộc**	**12**
1	Quản lý kinh tế (cốt lõi và ứng dụng)	3
2	Kinh tế phát triển	3
3	Hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia các FTA, các mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu	3
4	Thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam	3
I.2	**Các học phần tự chọn (Mỗi NCS chọn 05 trong tổng số 09 học phần)**	**15**
1	Phát triển bền vững	3
2	Phân tích chính sách kinh tế vĩ mô	3
3	Năng lực cạnh tranh	3
4	Quản trị công ty	3
5	Quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp	3
6	Đánh giá tác động của chính sách, pháp luật kinh tế	3
7	Quản lý đầu tư công, mua sắm công	3
8	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành trong quản lý kinh tế	3
9	Kỹ năng thực hiện luận án, chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và viết bài báo khoa học	3
II	**Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ**	**12**
1	Tiểu luận tổng quan	3
2	Chuyên đề tiến sĩ số 1	3
3	Chuyên đề tiến sĩ số 2	3

4	Chuyên đề tiến sĩ số 3	3
	Tổng cộng: (I) + (II)	**39**

PHẦN 3: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

3.1 Nghiên cứu khoa học của NCS

Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất, lĩnh vực Quản lý kinh tế và chủ đề nghiên cứu của luận án của NCS, Viện có các yêu cầu khác nhau đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp khoa học liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, khảo sát thực tiễn để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng, các mô hình phân tích đánh giá thực trạng và dự báo, yêu cầu bổ sung suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp … để từ đó NCS đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là cơ sở quan trọng nhất để NCS viết luận án tiến sĩ.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của NCS phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Tổ bộ môn Quản lý kinh tế, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo và Người hướng dẫn khoa học/Giáo viên hướng dẫn NCS có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ NCS thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Tổ Bộ môn Quản lý kinh tế, Người hướng dẫn khoa học/Giáo viên hướng dẫn NCS và NCS chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

- Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Kết quả nghiên cứu luận án, nghiên cứu các chuyên đề tiến sĩ và luận án của NCS phải được công bố ít nhất trong 02 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước tính điểm, có trong danh mục các tạp chí khoa học mà Viện quy định cho chuyên ngành Quản lý kinh tế. Viện khuyến khích NCS của Viện báo cáo kết quả nghiên cứu tại các Hội nghị khoa học chuyên ngành do Viện tổ chức, đăng bài trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, các tạp chí do Viện Thông tin Khoa học quốc tế (ISI) liệt kê tại địa chỉ http://scientific.thomsonreuteurs.com/mjl/ hoặc kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

3.2 Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ do NCS thực hiện có sự hướng dẫn của Người hướng dẫn khoa học/Giáo viên hướng dẫn NCS. Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính NCS, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành Quản lý kinh tế và/ hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành Quản lý kinh tế, giải quyết sáng tạo các vấn đề của chuyên ngành Quản lý kinh tế hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế phải giải quyết những vấn đề khoa học chuyên ngành có tính cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cụ thể. Tên đề tài luận án tiến sĩ và nội dung luận án phải đảm bảo phù hợp với chuyên ngành Quản lý kinh tế. Nội dung luận án phải đảm bảo phù hợp với tên đề tài luận án. Việc xác định mục tiêu nghiên cứu đề tài phải phù hợp và nhất quán với tên đề tài luận án đã xác định. Các phương pháp nghiên cứu được lựa chọn để giải quyết các vấn đề khoa học của luận án phải phù hợp với tính chất chuyên ngành Quản lý kinh tế. Các tư liệu, số liệu và nội dung kế thừa, trích dẫn kết quả các công trình nghiên cứu của người khác đã công bố phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng và trung thực. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

Luận án tiến sĩ kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế phải có những đóng góp mới về mặt học thuật chuyên ngành Quản lý kinh tế, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của khoa học chuyên ngành Quản lý kinh tế để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án. Trên cơ sở đó, đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới.

Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế có khối lượng kiến thức 46 tín chỉ (một tín chỉ bằng 45 giờ tự nghiên cứu và làm luận án), có tổng dung lượng không quá 150 trang A4 (không kể phụ lục), được đánh số thứ tự bắt đầu từ Phần mở đầu đến hết phần Kết luận và kiến nghị; trong đó trên 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng NCS. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và phân bổ khối lượng tín chỉ theo Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3: Cấu trúc và khối lượng kiến thức của luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế

STT	Nội dung	Dung lượng (trang A4)	Số tín chỉ
1	***Phần mở đầu:*** Giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do chọn đề tài (vì sao nghiên cứu?); mục đích và ý nghĩa khoa học, thực tiễn của việc nghiên cứu đề tài luận án (nghiên cứu này để làm gì? cho ai?)	5 - 7	3
2	***Tổng quan về vấn đề nghiên cứu*** (có thể kết cấu thành chương 1 của luận án): Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu (đã công bố ở trong, ngoài nước) liên quan mật thiết đến đề tài luận án; chỉ ra những vấn đề chưa được các công trình đã công bố nghiên cứu giải quyết và xác định rõ những vấn đề, những điểm mới mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết, đề xuất; xác định mục tiêu của đề tài, đối tượng nghiên cứu và giới hạn phạm vi nghiên cứu đề tài; đưa ra các câu hỏi nghiên cứu và xác định các khái niệm và lý thuyết làm cơ sở cho nghiên cứu đề tài luận án; xác định cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, khung phân tích hoặc mô hình nghiên cứu tổng quát đề tài luận án.	20 - 30	5
3	***Nội dung, kết quả nghiên cứu:*** Kết cấu thành 3-4 chương; trong đó trình bày cơ sở lý thuyết và mô hình định lượng (nếu có); lý luận và giả thuyết khoa học, kinh nghiệm quốc tế (nếu cần); kết quả phân tích, đánh giá thực trạng và kiểm chứng giả thuyết khoa học, kết quả dự báo (nếu cần); bàn luận, đề xuất giải pháp hoặc mô hình mới…	100-120	34
4	***Kết luận và kiến nghị:*** Tổng hợp những kết luận khoa học chính yếu, những điểm mới của luận án về lý luận, phương pháp luận và phương pháp những phát hiện mới và giải pháp mới; Kiến nghị	4 – 6	4

	hướng/vấn đề cần nghiên cứu giải quyết tiếp sau luận án		
	Tổng số	**Nhỏ hơn hoặc bằng 150 trang**	**46**

Đánh giá và bảo vệ luận án tiến sĩ được thực hiện qua hai cấp: 1. Cấp cơ sở (Bộ môn); 2. Cấp Viện. Điều kiện, quy trình, thể thức tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án tiến sĩ của NCS phải tuân thủ đúng quy định tại Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (các quy định này được cụ thể hóa trong "Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương", ban hành kèm theo Quyết định số 929/QĐ-QLKTTW ngày 20/10/2014 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương). Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, bảo đảm sự chính xác, khách quan, khoa học.

Các tiêu chí chủ yếu trong đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế của NCS gồm: (i). Tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án; Sự phù hợp giữa tên đề tài, nội dung luận án với chuyên ngành Quản lý kinh tế; (ii). Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp nghiên cứu; tính hợp lý, logic của kết cấu nội dung luận án; (iii). Những đóng góp của luận án và giá trị khoa học – thực tiễn, độ tin cậy của những kết luận khoa học của luận án; (iv). Chất lượng các bài báo công bố kết quả nghiên cứu luận án và uy tín của tạp chí khoa học ấn hành các bài báo; (v). Hình thức trình bày kết quả nghiên cứu trong luận án.

* *Tổng hợp khung cấu trúc khối lượng kiến thức Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương:*

- Các học phần bổ sung trình độ thạc sĩ: 17 tín chỉ (tối đa)
- Các học phần trình độ tiến sĩ: 27 tín chỉ
- Tiểu luận tổng quan và Chuyên đề tiến sĩ: 12 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ: 46 tín chỉ

Tổng khối lượng kiến thức của Chương trình: 102 tín chỉ

Bảng 4: Khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế (mã số: 62.34.04.10)

STT	Nội dung	Số tín chỉ
I	**Các học phần bổ sung trình độ thạc sĩ**	**17**
1	Triết học	3
2	Kinh tế học quản lý	2
3	Quản lý nhà nước	2
4	Thể chế và phát triển	2
5	Phát triển bền vững	2
6	Phân tích chính sách	2
7	Quản lý tài chính công	2
8	Kỹ năng quản lý	2
II	**Các học phần trình độ tiến sĩ, Tiểu luận tổng quan và Chuyên đề tiến sĩ**	**39**
II.1	**Các học phần trình độ tiến sĩ**	**27**
1.1	**Các học phần bắt buộc**	**12**
1	Quản lý kinh tế (cốt lõi và ứng dụng)	3
2	Kinh tế phát triển	3
3	Hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia các FTA, các mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu	3
4	Thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam	3
1.2	**Các học phần tự chọn (Mỗi NCS chọn 05 trong tổng số 09 học phần)**	**15**
1	Phát triển bền vững	3
2	Phân tích chính sách kinh tế vĩ mô	3
3	Năng lực cạnh tranh	3
4	Quản trị công ty	3
5	Quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp	3
6	Đánh giá tác động của chính sách, pháp luật kinh tế	3
7	Quản lý đầu tư công, mua sắm công	3
8	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành trong quản lý kinh tế	3
9	Kỹ năng thực hiện luận án, chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và viết bài báo khoa học	3

II.2	**Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ**	**12**
1	Tiểu luận tổng quan	3
2	Chuyên đề tiến sĩ số 1	3
3	Chuyên đề tiến sĩ số 2	3
4	Chuyên đề tiến sĩ số 3	3
III.	**Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ**	**46**
	Tổng cộng (I + II + III)	**102**

Chương trình đào tạo này được thực hiện từ năm học 2016 và thay thế Chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-QLKTTW ngày 12/1/2015 Quyết định số 288/QĐ-QLKTTW ngày 14/4/2015 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương./.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Đình Cung